

# Quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng của người Thái theo hướng tiếp cận sinh thái nhân văn: Nghiên cứu tại xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

Trần Thu Hà<sup>1\*</sup>, Phạm Thanh Quế<sup>1</sup>, Đỗ Thị Hương<sup>1</sup>, Nguyễn Bá Long<sup>1</sup>, Bùi Văn Kiều<sup>1</sup>, Đặng Tùng Hoa<sup>2</sup>,  
Cầm Tú Lan<sup>3</sup>, Nguyễn Thị Mai Hiền<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Lâm nghiệp, xã Xuân Mai, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup>Hiệp hội Sinh thái Nhân văn tại Đức, 9 Wittenberger, D-86316 Friedberg-Harthausen, Đức

<sup>3</sup>Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, 46 Đức Thắng, phường Đông Ngạc, Hà Nội, Việt Nam

<sup>4</sup>Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 21/4/2024; ngày chuyển phản biện 23/4/2024; ngày nhận phản biện 15/5/2024; ngày chấp nhận đăng 19/5/2024

## **Tóm tắt:**

Giao đất, giao rừng cho cộng đồng là chính sách trọng tâm của nhà nước góp phần xã hội hóa công tác bảo vệ rừng, nâng cao đời sống của người dân gắn với phát triển bền vững. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ đất rừng đã mang đến sự thay đổi tích cực trong việc bảo tồn và phát triển các nguồn tài nguyên. Tuy nhiên, thực tế cho thấy công tác này vẫn gặp nhiều khó khăn. Nghiên cứu này đã tiếp cận mô hình sinh thái nhân văn (HEM), trong đó hệ sinh thái và hệ nhân văn đã được phân tích trong cách quản lý, sử dụng đất rừng của cộng đồng người Thái. Phương pháp đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân (PRA) bao gồm phỏng vấn sâu 128 người và thảo luận nhóm đã được thực hiện trong nghiên cứu. Kết quả chỉ ra rằng, trong 4 hệ sinh thái nghiên cứu, hệ tự nhiên và hệ xã hội có ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng. Trên cơ sở đó, các tác giả đưa ra khuyến nghị cần quan tâm đến yếu tố xã hội, văn hóa, kiến thức bản địa, kết hợp với các công cụ quản lý nhà nước trong quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng.

**Từ khóa:** cộng đồng người Thái, quản lý đất rừng, sinh thái nhân văn, sử dụng đất rừng, xã Đông Sang.

**Chỉ số phân loại:** 5.4, 5.5, 5.13

## Community-based management and use of forest land by the Thai people through a human ecological approach: Case study in Dong Sang commune, Moc Chau district, Son La province

Thu Ha Tran<sup>1\*</sup>, Thanh Que Pham<sup>1</sup>, Thi Huong Do<sup>1</sup>, Ba Long Nguyen<sup>1</sup>, Van Kieu Bui<sup>1</sup>,  
Tung Hoa Dang<sup>2</sup>, Tu Lan Cam<sup>3</sup>, Thi Mai Hien Nguyen<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Vietnam National University of Forestry, Xuan Mai Commune, Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup>The German Society for Human Ecology, 9 Wittenberger Street, D-86316 Friedberg-Harthausen, Germany

<sup>3</sup>Vietnam Academy of Forestry, 46 Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Hanoi, Vietnam

<sup>4</sup>Department of Legal Affairs, Ministry of Agriculture and Environment, 10 Ton That Thuyet Street, Cau Giay Ward, Hanoi, Vietnam

Received 21 April 2024; revised 15 May 2024; accepted 19 May 2024

## **Abstract:**

Allocating land and forests to the community is a focal policy of the State, contributing to the socialisation of forest protection and enhancing sustainable development linked to improving people's livelihoods. A large number of studies have indicated that community involvement in forest land management and protection yields positive outcomes in preserving and developing natural resources. However, practical challenges still remain and continue to hinder the implementation of this endeavour. The study adopted Machlis' human ecosystem model (HEM), where ecological and human dimensions were analysed in managing and utilising forest land by the Thai community. The participatory rural appraisal (PRA) method, involving in-depth interviews with 128 individuals and group discussions, was employed. Research has shown that four research ecosystems, the natural and social systems have a significant influence on the management and use of community forest land. The authors suggest prioritising social, cultural, and local knowledge factors, combined with governmental management tools, in the management and utilisation of community forest land.

**Keywords:** Dong Sang commune, forest land management, human ecology, Thai ethnic community, utilisation.

**Classification numbers:** 5.4, 5.5, 5.13

\*Tác giả liên hệ: Email: hatt@vnuf.edu.vn

## 1. Đặt vấn đề

Đất rừng có vai trò rất quan trọng đối với cộng đồng các dân tộc thiểu số trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm, gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu quý [1]. Đất rừng còn giữ vai trò đặc biệt trong việc phòng hộ đầu nguồn, giữ đất, giữ nước... và là nơi dự trữ sinh quyển bảo tồn các nguồn gen quý hiếm [2-4]. Bên cạnh đó, đất rừng còn là nơi tạo ra nguồn thu nhập chính của đồng bào các dân tộc miền núi, góp phần xóa đói giảm nghèo [5, 6].

Trên thế giới và ở Việt Nam, việc sử dụng tài nguyên đất đai nói chung và tài nguyên đất rừng nói riêng đã được nhiều nhà quản lý và sinh thái học nhân văn đặc biệt quan tâm [7-11]. Ở Việt Nam quản lý đất rừng được thực hiện theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai, bao gồm việc thiết lập các cơ chế, chính sách, công cụ quản lý, biện pháp quản lý và việc vận hành cơ chế đó, nhằm quản lý, sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, đạt hiệu quả kinh tế cao [12]. Diện tích đất rừng của Việt Nam năm 2022 là 14.790.075 ha. Khoảng 10.000 cộng đồng tham gia quản lý và sử dụng (gồm đã giao và tự công nhận) 997.696 ha, chiếm gần 6,7% tổng diện tích rừng của cả nước, trong đó có 98,7% là rừng tự nhiên (894.999 ha), còn lại là 102.697 ha rừng trồng [13]. Trong diện tích rừng nêu trên, hơn 524.477 ha diện tích rừng (chiếm trên 3,67%) đã được giao và cấp giấy chứng nhận rừng cho cộng đồng.

Tại Việt Nam, Chính phủ đã có hành lang pháp lý cho việc quản lý, sử dụng đất rừng thông qua hình thức giao đất, giao rừng cho các cộng đồng. Nhiều tác giả đã nghiên cứu về việc quản lý, sử dụng đất rừng như V.N. Phu và cs (2020) [14], P.P. Nam và cs (2017) [15], H.T. Nghi và cs (2012) [16], B.N. Ngai (2009) [17]. Ngày nay, hướng tiếp cận sinh thái nhân văn ngày càng được áp dụng vào nhiều lĩnh vực như nông nghiệp [18-21], lâm nghiệp [22-26] và bảo tồn thiên nhiên [27-29]. Những nghiên cứu trên chỉ mới dừng lại ở cách tiếp cận theo phương pháp từ trên xuống mà chưa chuyên sâu đặt trong một hệ thống, hơn thế nữa, hiện nay có rất ít nghiên cứu kết hợp hai yếu tố giữa quản lý, sử dụng đất rừng và sinh thái nhân văn. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện là rất cần thiết, nhằm đánh giá việc quản lý, sử dụng đất rừng của cộng đồng người Thái, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (trước sáp nhập) theo mô hình sinh thái nhân văn, tìm ra những điểm chung để hài hòa việc quản lý, sử dụng đất theo phong tục với các quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời, nghiên cứu giúp đánh giá những thuận lợi, thách thức trong quá trình quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng nhằm khuyến nghị một số giải pháp nâng cao việc quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng tại khu vực nghiên cứu.

## 2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

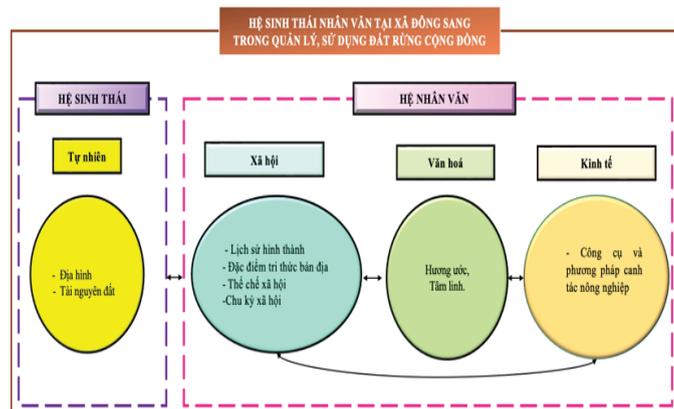
Robert Ezra Park có thể được coi là cha đẻ của sinh thái con người [24]. Trên cơ sở tháp sinh thái nhân văn được xây dựng bởi Robert Ezra Park, nhiều nhà nghiên cứu đã có những quan điểm khác nhau về sinh thái nhân văn, như O.D. Duncan (1959) [30], G.E. Machlis và cs (1997) [31]... nhưng họ đều có chung một quan điểm là ý thức rất rõ về những thuật ngữ họ đưa ra [24]. Tác giả O.D. Duncan (1959) [30] đã nghiên cứu toàn diện những thay đổi trong xã hội loài người. Mô hình ông phân tích cũng giống mô hình của T.K. Parto và cs (2013) [24], bao gồm sự tương tác của 4 yếu tố: dân số, sự tổ chức, môi trường và công nghệ. Nghiên cứu của G.E. Machlis và cs (1997) [31] đã chỉ ra rằng, mặc dù quy mô của hệ sinh thái nhân văn có thể khác nhau, nhưng vẫn có một số yếu tố tương đối nhất định, đó là hệ sinh thái nhân văn bao gồm 3 tài nguyên chính là: tài nguyên thiên nhiên, kinh tế xã hội và văn hoá. Cụ thể, (1) Tài nguyên thiên

hiên bao gồm tất cả các yếu tố: năng lượng, đất, nước, vật liệu; (2) Tài nguyên kinh tế xã hội gồm: thông tin, dân số, lao động hoặc vốn; (3) Tài nguyên văn hóa gồm: tổ chức, biểu tượng tôn vinh và tín ngưỡng. Các tài nguyên này được vận hành bởi 3 hệ thống xã hội nhỏ của con người bao gồm: thể chế, chu kỳ xã hội và trật tự xã hội. Như vậy, các nguồn lực và hệ thống xã hội được gắn kết chặt chẽ với nhau, chỉ cần một nguồn lực hay một hệ thống thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi của cả hệ sinh thái nhân văn.

Dưới góc độ của nhà quản lý đất đai, T.L. Cuc và cs (1998) [32], E. Maltby và cs (2003) [33] cho rằng, nguyên tắc cơ bản của quản lý theo tiếp cận hệ sinh thái là khai thác phù hợp quy luật tự nhiên, trong giới hạn khả năng của hệ và duy trì cấu trúc chức năng của hệ sinh thái; huy động sự tham gia của mọi tầng lớp xã hội, sử dụng khôn khéo, sáng tạo mọi nguồn tri thức khoa học và dân gian; thực hiện phân cấp rõ ràng đến cấp trực tiếp quản lý hệ sinh thái để khai thác mềm dẻo và hợp lý tài nguyên. Cũng dưới góc nhìn này, tác giả U. Holm và cs (2006) [23] đã chọn mô hình của G.E. Machlis và cs (1997) [31] để nghiên cứu. Mô hình này tập trung vào các yếu tố tự nhiên - kinh tế - xã hội. Kết quả của nghiên cứu đã kết luận việc sử dụng đất của người H' mông không chỉ phụ thuộc vào các thuộc tính vật chất của đất đai, mà còn gắn liền với các yếu tố kinh tế và hệ thống xã hội tại làng, như thể chế, dân số, công cụ canh tác, mùa vụ, sự giàu có, kiến thức và hương ước.

### 2.2. Mô hình sinh thái nhân văn

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận sinh thái nhân văn để đánh giá việc quản lý, sử dụng đất rừng của cộng đồng người Thái (hình 1). Trong nghiên cứu, khung phân tích được điều chỉnh từ mô hình hệ sinh thái nhân văn của W.R. Burch và cs (1984) [34] và G.E. Machlis và cs (1997) [31].



Hình 1. Mô hình sinh thái nhân văn của nghiên cứu.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Việc lựa chọn điểm nghiên cứu chủ yếu dựa vào tiêu chí: bản có cộng đồng được giao quản lý đất rừng và tình ổn định trong việc quản lý, sử dụng đất rừng. Bản Áng, bản Cóc được lựa chọn do 3 lý do chính. Thứ nhất, bản có diện tích đất rừng giao cho cộng đồng lớn trong xã. Thứ hai, hai bản có truyền thống quản lý, sử dụng đất rừng tốt theo tri thức bản địa và hương ước. Thứ ba, bản Áng là bản gần trung tâm xã, phát triển kinh tế du lịch tốt nhất tại xã Đông Sang, bản Cóc nằm xa trung tâm xã, đường xá đi lại khó khăn và du lịch chưa phát triển. Những đặc điểm khác biệt này sẽ có sự so sánh trong cách thức quản lý, sử dụng đất rừng theo hướng tiếp cận sinh thái nhân văn.

### 3.2. Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân

Để hiểu rõ hơn văn hoá của cộng đồng người Thái trong việc quản lý, sử dụng đất rừng, nhóm tác giả đã tiến hành điều tra, phỏng vấn các cán bộ có liên quan trên địa bàn huyện và các hộ dân trong cộng đồng. Đối với cán bộ, nghiên cứu thực hiện phỏng vấn 4 cán bộ trực tiếp liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất rừng của Chi cục Lâm nghiệp huyện Mộc Châu và 6 cán bộ của UBND xã Đông Sang. Đối với hộ điều tra (n) được xác định theo công thức của T. Yamane (1967) [35] như sau:

$$n = \frac{N}{1 + N * e^2}$$

trong đó: N là tổng số hộ của các bản; e là sai số cho phép (e=5-10%).

Do hạn chế về thời gian, nguồn nhân lực, địa hình phức tạp nên sai số chọn mẫu áp dụng trong nghiên cứu là 10%. Tổng số hộ của bản Áng là 347 hộ, bản Cóc là 94 hộ [36]. Tổng số lượng người điều tra của bản Áng là 78 người, bản Cóc là 48 người. Trong đó có 90% là người Thái trắng, 10% là người Kinh (chủ yếu là cán bộ). Tổng số 128 người đã được xin ý kiến trong cuộc khảo sát.

## 4. Kết quả và bàn luận

### 4.1. Đặc điểm cơ bản của hệ sinh thái nhân văn trong việc quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng tại điểm nghiên cứu

#### 4.1.1. Đặc điểm hệ tự nhiên

Đất đai ở xã Đông Sang được hình thành trên nền địa chất có nguồn gốc trầm tích, nên hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất ở mức trung bình, nhưng tầng đất khá dày nên phù hợp với nhiều cây trồng cạn như ngô, đậu tương... và một số loài cây lâu năm có nguồn gốc ôn đới như mận, đào, mơ và cây chè Shan tuyết. Các loại hình sử dụng đất chính của xã Đông Sang được thể hiện ở bảng 1.

**Bảng 1. Các loại hình sử dụng đất chính ở xã Đông Sang.**

Nhóm	Các loại hình sử dụng đất	Diện tích (hecta)
Ruộng lúa/hoa màu	Chuyên lúa (1 vụ lúa, 2 vụ lúa)	1.207,28
	Chuyên màu	
	Lúa - màu ( 1 vụ lúa - 1 vụ màu)	
Nương	Nương chuyên canh ngô, sắn, nương lúa, nương bị bỏ hoá, nương không bỏ hoá	
Cây lâu năm	Vườn cây ăn quả	334,85
	Nương chè, mận...	
Rừng	Rừng sản xuất	912,13
	Rừng phòng hộ	1.530,21

Nguồn: UBND xã Đông Sang (2022b) [37].

Bản Áng và bản Cóc đều có địa hình thung lũng bằng phẳng, bốn bề có những dãy núi đá vôi, dốc bao quanh tựa như cái chậu khổng lồ. Tiếng Thái cổ gọi là “Áng” tức là “Chậu”. Ở những bản này, người dân sử dụng đất theo cách ruộng lúa, hoa màu được làm ở chân núi gần đáy thung lũng với độ dốc thấp, đất thịt trung bình đến dày, gần

các sông suối, ao hồ để đủ nước phục vụ tưới tiêu. Đất nương ở sườn núi nơi cao hơn, có độ dốc nhỏ hơn 20°, không có nhiều nước. Rừng sản xuất phân bố rải rác từ dưới lên trên và rừng phòng hộ chủ yếu là rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng quản lý nằm ở phần trên núi, có độ dốc lớn, nhiều đá. Theo kết quả nghiên cứu, tính chất đất đã thay đổi sau khi phát và đốt rừng, lượng đất bị xói mòn dưới những cánh rừng được giao cho cộng đồng là nhiều nhất, do tài nguyên ở những cánh rừng này đã cạn kiệt, lớp thảm rừng bị biến mất, đất bị tác động bởi các trận mưa, gây xói mòn, rửa trôi và dần bị thoái hoá, gây khó khăn cho việc sử dụng.

Đông Sang là xã có nguồn tài nguyên rừng khá phong phú. Tuy nhiên, độ che phủ rừng tại xã giảm mạnh, từ 65% trong năm 2010 xuống còn 49% trong năm 2023 [38]. Thảm thực vật tự nhiên của xã có trữ lượng không cao. Hệ động, thực vật của xã cạn kiệt do tình trạng chặt phá rừng làm nương, săn bắn thú rừng bừa bãi.

Bản Áng được hình thành từ thế kỷ XVI, bản Cóc được thành lập năm 1957 [39]. Qua khảo sát 128 người dân tại 2 bản, 100% người dân tại bản Áng và bản Cóc đều không có ý định chuyển sang nơi khác để sinh sống, do bản Áng là bản có kinh tế du lịch phát triển mạnh nhất trong xã, còn người dân tại bản Cóc không có kinh tế để mua đất ở nơi khác. Chính vì vậy, người dân trong 2 bản đều biết rõ vị trí và ranh giới các khu đất rừng được giao cho cộng đồng quản lý, vì ranh giới những khu rừng giữa các bản không được thể hiện trên bản đồ, mà bằng những địa vật có tính định hướng như cây to, cọc gỗ... Việc cùng nhau tôn trọng già làng, trưởng bản, kết hợp với những tri thức bản địa đã có từ lâu đời giúp cho công tác quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng đạt hiệu quả cao.

#### 4.1.2. Đặc điểm hệ xã hội

Xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, là nơi sinh sống của 7 dân tộc gồm: Thái, Kinh, Tày, H'mông, Mường, Xinh Mun, Dao [39]. Toàn xã có 5.822 người, với 1.358 hộ, trong đó dân tộc Thái có 3.441 người chiếm 45,09%, dân tộc H'mông có 1.928 người chiếm 33,2%, dân tộc Kinh có 448 người chiếm 7,7% các dân tộc khác (Tày, Xinh Mun, Dao) chiếm khoảng 14,01%. Dân số phân bố không đều trong xã, đông nhất là bản Áng với 1.340 người (347 hộ), ít nhất là bản Cóc với 405 người (94 hộ) [36] (bảng 2).

**Bảng 2. Đặc điểm dân số tại 2 bản nghiên cứu.**

STT	Chi tiêu	Bản Áng	Bản Cóc
1	Tổng số hộ trong bản (hộ)	347	94
	Nhân khẩu toàn bản (người)	1340	405
	Số hộ dân tộc Thái (hộ)	200	86
2	Nhân khẩu dân tộc Thái (người)	680	380
	Nam (người)	365	230
	Nữ (người)	315	150
	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo (%)	0,3	8,5
	Tỷ lệ hộ trung bình, khá giàu (%)	97,7	91,5

Tại thời điểm khảo sát, mỗi hộ thường có 2 lao động chính. Tỷ lệ người dân biết chữ cao. Hầu hết họ đều nói được tiếng phổ thông (tiếng Việt).

**Bảng 3. Diện tích đất rừng giao cho các chủ thể trên địa bàn nghiên cứu.**

STT	Các chủ thể	Bản Áng	Bản Cóc	Tổng (hecta)
1	Hộ gia đình, cá nhân	168,18	53,53	221,71
2	Đại diện nhóm hộ	335,34	275,57	610,91
3	Tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên)	0	169,25	169,25
4	Cộng đồng dân cư	190,4	19,98	210,38
5	UBND xã	43,29	13,04	56,33
	Tổng	737,21	531,37	1.268,58

Nguồn: UBND xã Đông Sang (2022b) [37].

Số liệu thống kê cho thấy, diện tích đất rừng giao cho cộng đồng quản lý đứng thứ 3, chiếm khoảng 16,6% so với tổng diện tích đất rừng đã giao cho các chủ thể (bảng 3).

**Bảng 4. Thực trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

STT	Tình trạng giao quyền sử dụng đất	Diện tích (hecta)	Tỷ lệ (%)
1	Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2206,99	87,96
2	Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	258,21	12,04
	Tổng	2465,2	100,0

Nguồn: UBND xã Đông Sang (2022c) [40].

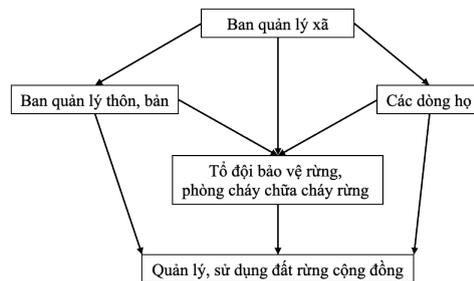
Trên địa bàn xã Đông Sang, tỷ lệ giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất lâm nghiệp rất cao. Tổng diện tích đất rừng chưa được giao là 258,21 ha (chiếm 12,04%), tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất rừng trên địa bàn xã đạt khoảng 87,96% (bảng 4). Đây là yếu tố thuận lợi trong công tác quản lý đất lâm nghiệp tại địa phương.

Qua số liệu thống kê cho thấy, diện tích đất rừng cộng đồng bản Áng được giao 190,4 ha, bản Cóc được giao 19,98 ha. Trung bình mỗi hộ tại bản Áng và bản Cóc sẽ quản lý lần lượt là 0,95 và 0,2 ha đất rừng cộng đồng. Qua khảo sát cho thấy, 86 hộ dân tại bản Cóc trong quá khứ đã gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng do dân số ít, diện tích rừng được giao khá lớn, những cánh rừng này xa khu dân cư, núi đá, địa hình hiểm trở. Bên cạnh đó, nhiều người dân nhận thức không tốt nên đã khai thác rừng quá mức, hậu quả để lại là hiện nay có những khu rừng giao cho cộng đồng quản lý rơi vào tình trạng “đất trống đồi trọc” đã hơn 20 năm. Qua phỏng vấn 100% người được hỏi cho hay, đại dịch COVID-19 vừa qua, người dân không vào rừng do cộng đồng quản lý để khai thác động, thực vật, không làm gia tăng nạn phá rừng, không chuyên đổi rừng sang trồng các loại cây nông nghiệp khác và không có các hoạt động bất hợp pháp khác. Điều này đã làm giảm đáng kể tình trạng mất rừng, suy thoái rừng. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng, nam giới chiếm ưu thế trong khai thác gỗ/cây, tre, măng và cây thuốc, trong khi nữ giới chiếm ưu thế trong khai thác củi và thức ăn gia súc.

Gần đây, khi mô hình trồng dâu tây phát triển, rừng cộng đồng đã bị một số hộ gia đình, cá nhân vào khai thác những loại cây gỗ nhỏ (keo, bạch đàn...) để làm cọc chống vườn dâu (tháng 10) và trồng các loại rau xanh như su su, bí xanh, cà chua (tháng 9). Chủ yếu người dân lấy cây buxong vì lá già, cây chắc chắn, làm cọc chống sẽ đỡ bị mọt. Củi được người dân bản Áng khai thác mạnh vào những tháng hè (từ tháng 6 đến tháng 8) để phục vụ khách du lịch đốt lửa trại. Những tháng cuối năm (từ tháng 11 đến tháng 12) người dân cần củi để nấu bánh chưng đón Tết. Cây dược liệu và thức ăn gia súc được khai thác quanh năm, chủ yếu là cây ráy, cây chuối rừng, do những cây này dễ sống

vì cứ chặt lại mọc lên, nhưng mạnh nhất là tháng 11, 12 do lúc này việc thu hoạch hoa màu đã xong, công việc nông nghiệp ít hơn nên người dân vào rừng khai thác nhiều hơn. Qua khảo sát cho thấy, có khoảng 90% người được hỏi cho rằng chất lượng của các loại lâm sản ngày càng giảm, một vài cánh rừng cộng đồng đã hết những loại cây rừng có gỗ to, đẹp như bách xanh, đinh, lim...

Cơ cấu tổ chức bộ máy trong quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng: Sau khi được nhận rừng, với sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước, tất cả các cộng đồng đều thành lập tổ đội bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn các bản, tiểu khu xã Đông Sang [41]. Phương thức quản lý rừng truyền thống phù hợp với văn hoá tập quán kết hợp với phương thức quản lý chính thống theo quy định của pháp luật (giao đất bằng sổ đỏ). Bộ máy quản lý rừng thay vì tự phân công nhận nhiệm vụ như trước đây, đã được quy định rõ trong quyết định của UBND xã Đông Sang ban hành hằng năm (hình 2).



**Hình 2. Mô hình quản lý rừng cộng đồng tại bản Áng, bản Cóc.**

Việc tuần tra rừng cũng được tiến hành bởi các tổ đội bảo vệ rừng, tần suất trung bình 2-3 lần/tháng; hai năm 1 lần tổ đội bảo vệ rừng được kiện toàn lại. Các thành viên trong tổ đội bảo vệ rừng có trách nhiệm bảo vệ tốt diện tích đất rừng cộng đồng được giao khoán, đồng thời có trách nhiệm phát hiện và thông báo kịp thời những hành vi khai thác rừng trái phép.

Trong tổng số 26 thành viên trong tổ đội bảo vệ rừng tại bản Áng có đến 25 người là nam giới (giữ các chức vụ như Công an viên, Đoàn thanh niên, Chi hội trưởng Hội nông dân), 1 nữ giới đại diện thành phần Hội phụ nữ. Điều này cũng tương tự với bản Cóc khi cũng chỉ có 1 nữ giới trong tổng số 15 thành viên. Mô hình hoạt động như vậy đã giúp cho việc quản lý rừng của cộng đồng người Thái có kết quả cao, từ năm 2020 đến nay không còn tình trạng phá rừng trái phép, hạn chế tình trạng cháy rừng.

#### 4.1.3. Đặc điểm hệ kinh tế

- Công cụ và phương thức canh tác: Công cụ khai thác lâm sản của người dân trong các cộng đồng chủ yếu là máy cưa, rìu, đinh và trâu, được sử dụng để chặt và vận chuyển cây. Rổ, dao và dây thừng được sử dụng để thu gom củi. Thuổng, dao và rổ dùng để đào măng. Móc gặt và giỏ được sử dụng để thu thập thức ăn gia súc. Đôi khi người dân không dùng dụng cụ trong việc thu hái cây thuốc. Cách sử dụng các công cụ như vậy đã góp phần giảm tình trạng xói mòn đất rừng.

- Thu nhập từ rừng: Việc quản lý rừng cộng đồng không mang lại nhiều thu nhập cho người dân. Thu nhập từ rừng chủ yếu đến từ dịch vụ chi trả môi trường rừng, nhưng chỉ có rừng cộng đồng giao cho bản Áng được nhận số tiền này với diện tích 3,22 ha, đơn giá áp dụng là 405.706 đồng/ha/năm (ban hành theo Quyết định số 88/QĐ-QBV&PTR) tương ứng số tiền 1.306.373 đồng/ha/năm. Cộng đồng đã dùng số tiền đó để chi trả tiền tuần tra rừng, mua dụng cụ lao động... Bên cạnh đó, trước đây giá 1 bó củi khoảng 30.000 đồng, người dân mua củi chủ yếu là phục vụ cho gia đình. Tuy nhiên, hiện nay do tác động của yếu tố thị trường, người dân khai thác củi để bán cho khách du lịch cắm trại, với giá khá cao, khoảng 150-200 nghìn đồng/bó củi.

#### 4.1.4. Đặc điểm hệ văn hoá

- Tri thức bản địa: Rừng giao cho cộng đồng được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau. Mỗi mục đích sử dụng đều được cộng đồng bảo vệ với những quy định theo pháp luật gắn với tri thức bản địa. Cụ thể như sau:

+ Rừng ma (*pá heo*): Bản Áng có khoảng 5,5 ha rừng ma, bản Cóc có 2 khu rừng ma (một khu cho trẻ con và một khu cho người lớn) rộng khoảng 2 ha. Cả 2 bản có ghi đây là khu rừng hoàn toàn kiêng cấm, chỉ khi nào có người mất mới được vào rừng chặt cây phục vụ cho mai táng. Loại rừng này được bảo vệ bằng niềm tin tâm linh, người dân không dám phát rẫy, chặt phá cây cối, săn bắn trong rừng vì sợ ma bắt đòi ăn (trâu hoặc heo) phải cúng không thì bệnh nặng.

+ Rừng đầu nguồn (*pá hua bó*): Theo quan niệm của người Thái, rừng đầu nguồn là ở khu vực đầu nguồn nước, là nơi trú ngụ của thần “Tô luông” nên không được chặt, phá. Ở bản Cóc, rừng đầu nguồn rộng khoảng 12 ha. Như vậy, rừng đầu nguồn có cơ chế thiêng hóa khiến cho việc bảo vệ rừng tốt hơn.

- Pháp luật: Bên cạnh tri thức bản địa thì việc sử dụng đất rừng ở 2 bản cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài như quy định của pháp luật. Cụ thể như việc đốt nương làm rẫy do dân làng tự phát gây cháy rừng hiện nay không còn, do người dân đã tuân thủ theo quy định của pháp luật như: trước khi đốt nương rẫy để chuẩn bị đất trồng rừng phải thông báo với trưởng thôn, bản, tổ đội phòng cháy, chữa cháy rừng, không đốt vào những ngày có dự báo nguy cơ cháy rừng ở cấp IV, cấp V. Trong ngày, phải đốt lúc gió nhẹ, trước 9 giờ sáng và sau 16 giờ chiều.

- Hương ước: Tại các điểm nghiên cứu, hương ước được xây dựng 2 năm 1 lần. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, hương ước sẽ được sửa đổi, bổ sung khi có những nội dung không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của bản, hoặc theo nguyện vọng của nhân dân trong bản (Khoản 3, Điều 26, Hương ước) [41].

Nội dung của hương ước quy định cụ thể về những việc được làm và không được làm, cụ thể người dân trong bản được tham gia trồng rừng, xúc tiến tái sinh rừng để làm giàu rừng bằng vốn hỗ trợ của nhà nước và tự bỏ vốn trồng rừng tập trung hoặc chia cho hộ gia đình (Khoản 2, Điều 13, Hương ước) [41]. Khi rừng đã đến tuổi khai thác thì chủ rừng phải làm đơn xin phép khai thác và thống kê số cây, diện tích, khối lượng cần chặt hạ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác (Khoản 2, Điều 13, Hương ước) [41]. Bên cạnh đó, hương ước cũng quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng người dân như biểu dương, khen thưởng, trao giấy khen và bằng khen cho những cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng có thành tích trong công tác quản lý, sử dụng đất rừng của cộng đồng (Điều 24, Hương ước) [41].

Hiện nay, các quy định đều phù hợp với thực tế, tuy nhiên tính răn đe trong hương ước chưa cao. Hình thức xử phạt được phân theo 2 cách: Nếu vi phạm nhẹ thì bị phê bình, nhắc nhở, cảnh cáo hoặc sẽ theo một số quy định do cộng đồng đặt ra như phạt bằng số kg thóc, phạt bằng rượu, phạt bằng lợn, nếu nặng hơn thì sẽ đề nghị cơ quan quản lý nhà nước xử lý (Điều 25, Hương ước) [41].

#### 4.2. Đánh giá chung về công tác quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng tại điểm nghiên cứu

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi cho việc sử dụng đất rừng.</li> <li>- Các cộng đồng có truyền thống quản lý, sử dụng đất từ lâu đời bằng hương ước.</li> <li>- Cộng đồng người Thái có sự hiểu biết về pháp luật rất tốt trong việc quản lý, sử dụng đất rừng.</li> <li>- Công tác quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng có quy định, phân công và gắn trách nhiệm rõ ràng cho các thành viên cộng đồng.</li> <li>- Diện tích đất rừng cộng đồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 87,6%.</li> <li>- Đã có được sự bình đẳng giới trong vấn đề quản lý, sử dụng đất rừng cộng đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất rừng giao cho các cộng đồng có địa hình hiểm trở, xa khu dân cư, điều kiện hạ tầng còn thiếu và khó khăn.</li> <li>- Đất rừng giao cho cộng đồng là đất rừng tự nhiên nghèo kiệt, nguồn tài nguyên từ rừng hạn chế, nguồn thu từ rừng ít, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng thu nhập hộ.</li> <li>- Thị trường các sản phẩm thu được từ rừng cộng đồng còn bấp bênh.</li> </ul>
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản Áng có nhiều cơ hội phát triển du lịch cộng đồng nên thu hút nhiều dự án đầu tư tại địa phương.</li> <li>- Bản Cóc có nhiều cơ hội thu hút các công ty nước ngoài thực hiện các dự án nông nghiệp tại địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc mở rộng diện tích đất rừng giao cho các cộng đồng khó khăn.</li> <li>- Nguồn thu trong tương lai từ đất rừng khó có thể tăng do các nguồn lợi từ rừng ngày càng khan hiếm.</li> <li>- Các khu rừng cộng đồng nhiều núi đá, địa hình hiểm trở nên việc trồng thêm cây rất khó khăn.</li> </ul>

Sinh thái nhân văn là một lĩnh vực nghiên cứu đang ngày càng phát triển trên thế giới và Việt Nam, với nhiều quan điểm và góc nhìn đa dạng. Trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên nói chung, mô hình sinh thái của O.D. Duncan (1959) [30] được cho là khá đơn giản khi chỉ có 4 yếu tố: dân số, sự tổ chức, môi trường và công nghệ. Tác giả B.N. Ngai (2009) [17]; U. Holm và cs (2006) [23]; G.E. Machlis và cs (1997) [31]; L.T. Cuc và cs (1998) [32] đã đưa ra những quan điểm và mô hình sinh thái nhân văn của mình chặt chẽ hơn, bên cạnh những yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội thì yếu tố văn hoá, tín ngưỡng đã được các tác giả đề cập đến. Trong nghiên cứu này, tác giả đã sử dụng mô hình sinh thái nhân văn ở mức độ đơn giản. Kết quả nghiên cứu còn hạn chế vì nhiều yếu tố chưa có tiêu chí đánh giá khoa học rõ ràng để so sánh mà đa phần dựa vào ý kiến phỏng vấn của người dân. Kết quả của nghiên cứu cũng đã đóng góp rất lớn về mặt tổng quan, thực tiễn trong việc quản lý đất đai ở Việt Nam, trong bối cảnh các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2023 đang được sửa đổi. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng trong việc quản lý, sử dụng đất rừng đang được xem xét bổ sung và thay đổi để phù hợp với thực tế.

#### 5. Kết luận

Quản lý, sử dụng đất rừng tiếp cận theo mô hình sinh thái nhân văn là một hướng nghiên cứu mới trong lĩnh vực quản lý đất đai. Trong 4 hệ sinh thái nghiên cứu, hệ tự nhiên và hệ xã hội có ảnh hưởng lớn nhất đến việc quản lý, sử dụng đất rừng của cộng đồng người Thái tại xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (trước sáp nhập).

Để quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên rừng và đất rừng trong cộng đồng dân tộc thiểu số nói chung và cộng đồng người Thái nói riêng cần có sự kết hợp giữa công cụ pháp luật và hương ước trên cơ sở áp dụng khung pháp lý tổng hợp, lồng ghép kiến thức bản địa vào các chương trình phát triển cộng đồng. Mặc dù học thức của cộng đồng không cao, nhưng nhận thức của họ về việc trồng rừng, phục hồi và bảo vệ rừng ngày càng tiến bộ. Kết quả khảo sát 128 cán bộ quản lý và cộng đồng người Thái tại bản Áng, bản Cóc đều có một mong

muốn là những dự án tái trồng rừng được thực hiện tại địa phương trong thời gian gần nhất. Để tránh những xung đột xảy ra khi thực hiện dự án giữa cộng đồng, nhà nước và doanh nghiệp thì việc nghiên cứu văn hoá, phong tục tập quán của cộng đồng người Thái là không thể thiếu.

Mỗi dân tộc sinh sống theo từng địa phương, từng vùng miền sẽ có điều kiện tự nhiên và kinh nghiệm truyền thống dân tộc khác nhau. Chính vì vậy, cần có những nghiên cứu tương tự tiếp theo về truyền thống dân tộc và việc quản lý, sử dụng đất rừng của các dân tộc khác nhau. Điều này là rất cần thiết cho việc bảo vệ, bảo tồn và phát triển đất rừng phù hợp với sinh thái, kinh tế, chính sách và văn hóa.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] M. Bustamante, P. Smith, H. Ahammad, et al. (2014), "Agriculture, forestry and other land use (AFOLU) in climate change 2014: Mitigation of climate change", *Climate Change 2014: Mitigation of Climate Change*, **11**, pp.811-922.
- [2] J.C. Garcia, D. Acemoglu, J.A. Robinson (2015), "State capacity and economic development: A network approach", *The American Economic Review*, **105**(8), pp.2364-2409, DOI: 10.1257/aer.20140044.
- [3] L. An (2012), "Modeling human decisions in coupled human and natural systems: Review of agent-based models", *Ecological Modeling*, **229**, pp.25-36, DOI: 10.1016/j.ecolmodel.2011.07.010.
- [4] Y.B. Chiu (2012), "Deforestation and the environmental Kuznets curve in developing countries: A panel smooth transition regression approach", *Canadian Journal of Agricultural Economics*, **60**(2), pp.177-194, DOI: 10.1111/j.1744-7976.2012.01251.x.
- [5] P. Matiku, M. Caleb, O. Callistus (2013), "The impact of participatory forest management on local livelihoods in the Arabuko Sokoke forest, Kenya", *Conservation and Society*, **11**(2), pp.120-129, DOI: 10.4103/0972-4923.115724.
- [6] Centre for International Forestry Research (CIFOR) (2014), "Forests, food security and nutrition", *CIFOR Fact Sheet*, CIFOR, Bogor, Indonesia. [http://www.cifor.org/publications/pdf\\_files/factsheet/4876-factsheet.pdf](http://www.cifor.org/publications/pdf_files/factsheet/4876-factsheet.pdf), accessed 12 December 2023.
- [7] B.J. McCay, J.M. Acheson (1987), "The question of the commons: The culture and ecology of communal resources", *University of Arizona Press*, DOI: 10.2307/j.ctv2fctc2z.
- [8] D.W. Bromley, D. Feeny, M. McKean, et al. (1992), *Making The Commons Work: Theory, Practice, and Policy*, International Center for Self-Governance Press, San Francisco, 339pp.
- [9] E. Ostrom, C.D. Becker (1995), "Human ecology and resource sustainability: The importance of institutional diversity", *Annual Review of Ecology and Systematics*, **26**, pp.113-133, DOI: 10.1146/annurev.es.26.110195.000553.
- [10] H. Brookfield, P.M. Blaikie (1987), *Land Degradation and Society*, Methuen, London, 284pp.
- [11] F. Berkes (1989), *Common Property Resources: Ecology and Community-Based Sustainable Development*, International Union for Conservation of Nature and Natural Resources, Belhaven Press, London, 302pp.
- [12] Ministry of Justice (2006), *Dictionary of Law*, Justice Publishing House, 633pp (in Vietnamese).
- [13] Ministry of Agriculture and Rural Development (2023), *Decision No.2357/QĐ-BNN-KL dated June 14, 2023 of The Minister of Agriculture and Rural Development* (in Vietnamese).
- [14] V.N. Phu, Q.T. Bao, N.L. Khang (2020), "Factors affecting sustainable management of production forests in Dong Nai province", *Vietnam Journal of Agriculture and Rural Development*, **39**(4), pp.58-67.
- [15] P.P. Nam, T.P. Que, N.N. Bien (2017), "Solutions to increase income from forests of some ethnic communities in Hoa Binh province", *Vietnam Journal of Agriculture and Rural Development*, **14**, pp.139-146 (in Vietnamese).
- [16] H.T. Nghi, V.D. Tinh (2012), *Community Forestry in Central Vietnam*, Agricultural Publishing House (in Vietnamese).
- [17] B.N. Ngai (2009), "Community forest management in Vietnam: Current status, problems and solutions", *Proceedings of The National Workshop: "Community Forest Management in Vietnam: Policy and Practice"*, pp.4-20 (in Vietnamese).
- [18] H.H. Tuan, T.T.T. Hang, Q.L. Vinh (2017), "Current status and solutions for sustainable shifting cultivation land management in highlands: Case study in Huong Lam commune, A Luoi district, Thua Thien - Hue province", *Proceedings of The Conference on Human Ecological Sciences and Sustainable Development: Some Issues from Theory to Practice*, pp.89-100 (in Vietnamese).
- [19] V.P. Hoi (2017), "Vietnam's agricultural crisis: Explained from a human ecological perspective", *Proceedings of The Conference on Human Ecological Sciences and Sustainable Development: Some Issues from Theory to Practice*, pp.75-86 (in Vietnamese).
- [20] H.V. Dinh (2017), "Agricultural ecosystem and the issue of adaptation to climate change in Go Cong Dong district, Tien Giang province", *Proceedings of The Conference on Human Ecological Sciences and Sustainable Development: Some Issues from Theory to Practice*, pp.101-122 (in Vietnamese).
- [21] P.T.N. Loan (2016), "Research on human ecology of Shan Tuyet tea production village in Na Chi commune, Xin Man district, Ha Giang province", *VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences*, **32**(1), pp.267-273 (in Vietnamese).
- [22] P.V. Dien, T.T.T. Ha, D.T. Hoa, et al. (2017), "Vietnam's innovation policy: Impact on highland communities and sustainable forest management", *Proceedings of The Conference on Human Ecological Sciences and Sustainable Development: Some Issues from Theory to Practice*, pp.136-157.
- [23] U. Holm, T.N. Hai (2006), "Human-ecological investigation on the land use of Flowerly Hmong to overcome poverty: A case study from Lao Cai province, Vietnam", *Conference on International Agricultural Research for Development*.
- [24] T.K. Parto, T.D. Hoa (2013), "Human ecology and gender: A framework to discover natural and cultural resources with climate change accommodation", *Journal of Vietnamese Environment*, **14**(2), pp.34-42, DOI: 10.13141/jve.vol6.no3.pp212-219.
- [25] T.N. Lan, T.P. Thuy (2017), "Research and application of the natural-social model in special-use forest management", *Proceedings of The Conference on Human Ecological Sciences and Sustainable Development: Some Issues from Theory to Practice*, pp.290-304 (in Vietnamese).
- [26] A.D. Tuan (2011), "Community management of forest resources in Vietnam: Institutional structure and effectiveness in community forest management in Vietnam", *Ethnology Magazine*, **6**, pp.52-59 (in Vietnamese).
- [27] H.T.C. Huyen, T.N. Dong, H.T.N. Vien, et al. (2021), "Assessing the potential of humanistic tourism in Pu Luong nature reserve, Thanh Hoa", *Journal of Science and Technology - Thai Nguyen University*, **22**(8), pp.460-467, DOI: 10.34238/tnu-jst.4617.
- [28] M.N. Hiep, M.T. Hoang (2017), "Conserving nature according to a humanistic ecological approach", *Proceedings of The Conference on Human Ecological Sciences and Sustainable Development: Some Issues from Theory to Practice*, pp.66-74 (in Vietnamese).
- [29] D.N. Tinh (2020), "Potential and exploitation orientation to develop ecotourism in Ke Go nature reserve (Ha Tinh)", *Scientific Magazine of Ho Chi Minh City University of Education*, **17**(1), pp.165-175 (ISSN: 2734-9918).
- [30] O.D. Duncan (1959), "Human ecology and population studies", *The Study of Population*, pp.678-716.
- [31] G.E. Machlis, J.E. Force (1997), "The human ecosystem part II: Social indicators in ecosystem", *Society and Natural Resources*, **10**, pp.369-387.
- [32] T.L. Cuc, X.H. Ty (1998), *Indigenous Knowledge of The Region's People in Agriculture and Natural Resource Management*, Agriculture Publishing House, 188pp (in Vietnamese).
- [33] E. Maltby, R.D. Smith (2003), *Using The Ecosystem Approach to Implement The Convention on Biological Diversity: Key Issues and Case Studies*, IUCN, Gland, Switzerland and Cambridge, 118pp.
- [34] W.R. Burch, D.R. DeLuca (1984), *Measuring The Social Impact of Natural Resource Policies*, University of New Mexico Press, 216pp.
- [35] T. Yamane (1967), *Statistics: An Introductory Analysis*, Harper and Row, 118pp.
- [36] Dong Sang Commune People's Committee (2022a), *Report No.216/BC-UBND Dated December 18, 2022 on The Implementation of The Socio-Economic Development Plan, Ensuring National Defense and Security in 2022; Key Tasks in 2023* (in Vietnamese).
- [37] Dong Sang Commune People's Committee (2022b), *Land Statistical Report 2022* (in Vietnamese).
- [38] People's Committee of Moc Chau District (2023), *Decision No.97/QĐ-UBND Dated January 30, 2023 Announcing The Current Status of Forests and Forestry in Moc Chau District in 2022* (in Vietnamese).
- [39] Dong Sang Commune People's Committee (2010), *History of Dong Sang Commune Party Committee (1945-2010)* (in Vietnamese).
- [40] Dong Sang Commune People's Committee (2022c), *Report on The Status of Issuance of Forestry Land Use Rights Certificates in Dong Sang Commune in 2022* (in Vietnamese).
- [41] Dong Sang Commune People's Committee (2022d), *Decision No.290/QĐ-UBND Dated December 22, 2022 on Strengthening Forest Protection and Fire Prevention Teams in The Villages and Sub-Areas of Dong Sang Commune in 2022-2023* (in Vietnamese).